Mẫu biểu số 73

Đơn vị: Sở Y tế Quảng Ninh
Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026 - ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN ĐỢT 7; BỔ SUNG DỰ TOÁN ĐỢT 2

(Kèm theo Quyết định số 549/QĐ-SYT ngày 07/5/2026 của Sở Y tế Quảng Ninh)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Y tế	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	Bệnh viện Sức khoẻ tâm thần	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện ĐKKV Tiên Yên	Bệnh viện ĐKKV Quảng Yên	Trung tâm Trợ giúp xã hội	Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả	Bệnh viện ĐKKV Đông Triều	Bệnh viện Bãi Cháy	Bệnh viện ĐKKV Móng Cái
1	2	3	4=5+6…	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**														
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**82.196**	**82.196**	**-**	**17.834**	**5.875**	**14.382**	**9.234**	**8.428**	**1.705**	**658**	**1.800**	**4.390**	**12.780**	**5.110**
I	**Nguồn ngân sách nhà nước**	**82.196**	**82.196**	**-**	**17.834**	**5.875**	**14.382**	**9.234**	**8.428**	**1.705**	**658**	**1.800**	**4.390**	**12.780**	**5.110**
1	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**82.196**	**82.196**	**-**	**17.834**	**5.875**	**14.382**	**9.234**	**8.428**	**1.705**	**658**	**1.800**	**4.390**	**12.780**	**5.110**
1.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ														
1.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	82.196	82.196	-	17.834	5.875	14.382	9.234	8.428	1.705	658	1.800	4.390	12.780	5.110
-	Kinh phí mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin	(762)	(762)	(762)											
-	Kinh phí Thuê dịch vụ phần mềm Hồ sơ sức khoẻ điện tử năm 2026	762	762	762											

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở Y tế	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	Bệnh viện Sức khoẻ tâm thần	Bệnh viện Y dược cổ truyền	Bệnh viện ĐKKV Tiên Yên	Bệnh viện ĐKKV Quảng Yên	Trung tâm Trợ giúp xã hội	Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả	Bệnh viện ĐKKV Đông Triều	Bệnh viện Bãi Cháy	Bệnh viện ĐKKV Móng Cái
-	Kinh phí cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, xây mới các hạng mục công trình y tế	34.646	34.646	-	4.334	2.205	14.382	9.234	2.128	1.705	658	-	-	-	-
+	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải lỏng	7.950	7.950		1.224	2.205		2.816		1.705					
+	Cải tạo, nâng cấp hệ thống phòng cháy chữa cháy	11.221	11.221		3.110			6.418	1.035		658				
+	Cải tạo, nâng cấp, xây mới một số hạng mục công trình	14.382	14.382				14.382								
+	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất	1.093	1.093						1.093						
-	Mua thiết bị y tế phục vụ tiếp nhận và điều trị bệnh nhân thận nhân tạo chu kỳ	47.550	47.550		13.500	3.670			6.300			1.800	4.390	12.780	5.110